

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẾN XUẤT KHẨU HÀNG MAY MẶC CỦA VIỆT NAM: TIẾP CẬN TỪ MÔ HÌNH TRỌNG LỰC

● LƯƠNG THỊ MINH THU - BÙI THỊ NGỌC TÚ - PHẠM THỊ THU THỦY
- VŨ QUỲNH TRANG - NGUYỄN THỊ THU HIỀN

TÓM TẮT:

Nghiên cứu sử dụng mô hình trọng lực để xác định các yếu tố tác động đến xuất khẩu (XK) hàng may mặc của Việt Nam. Kết quả cho thấy, GDP của nước nhập khẩu (NK), dân số nước NK, khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước NK, tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền nước NK và đồng tiền của Việt Nam, lãi suất cho vay của Việt Nam, tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu hàng may mặc của Việt Nam và FTA là những yếu tố ảnh hưởng đến XK hàng may mặc của Việt Nam. Nghiên cứu cũng đề xuất 2 nhóm giải pháp cơ bản đối với cơ quan quản lý nhà nước và đối với doanh nghiệp (DN) sản xuất và XK hàng may mặc, nhằm thúc đẩy XK hàng may mặc của Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: xuất khẩu, hàng may mặc, mô hình trọng lực, chính sách thương mại.

1. Đặt vấn đề

Tại Đại hội lần thứ VI của Đảng năm 1986 đã xác định XK hàng hóa là một trong ba mặt trận của nền kinh tế thời kỳ đổi mới. Cùng với sự thay đổi trong chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng XK lớn trên thế giới với tốc độ tăng trưởng XK trung bình hơn 17%/năm, làm cho vị trí của nước ta trên bản đồ thương mại toàn cầu cũng có sự vươn lên mạnh mẽ. Trong đó, ngành hàng May mặc trở thành một trong những ngành hàng XK chủ lực và nắm giữ vai trò quan trọng đối với kinh tế - xã hội. Ngành hàng này đã XK vào 66 quốc gia và vùng lãnh thổ, cùng với đó là số mặt hàng duy trì khoảng 47 - 50 mặt hàng vào thị trường toàn cầu và chiếm tỷ trọng lớn trong XK.

Để đạt được các kết quả thành công trong hoạt động XK hàng may mặc, đòi hỏi các chủ thể là Nhà nước, các DN sản xuất hàng may mặc XK, cần xem xét các yếu tố tác động đến XK ngành hàng này, tạo tiền đề đưa ra các giải pháp, phương hướng triển khai và vận dụng một cách có hiệu quả. Mặc dù, trên thực tế, đã có một số công trình nghiên cứu tìm hiểu về điều này. Tuy nhiên, nhìn chung, các nghiên cứu phân tích về tác động của các yếu tố tới XK hàng may mặc tại Việt Nam vẫn còn hạn chế, chủ yếu là nghiên cứu về XK hàng hóa nói chung.

Từ khoảng trống đó, nhóm tác giả nhận thấy cần phải nghiên cứu, phân tích thực trạng XK hàng may mặc của Việt Nam giai đoạn 2008 - 2023, sử dụng mô hình trọng lực cùng với dữ liệu thu thập trong giai đoạn 2008 - 2022 để phân tích tác động của các

yếu tố đến XK hàng may mặc của Việt Nam, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy XK hàng may mặc cho giai đoạn 2024 - 2030.

2. Khái quát về tình hình XK hàng may mặc của Việt Nam

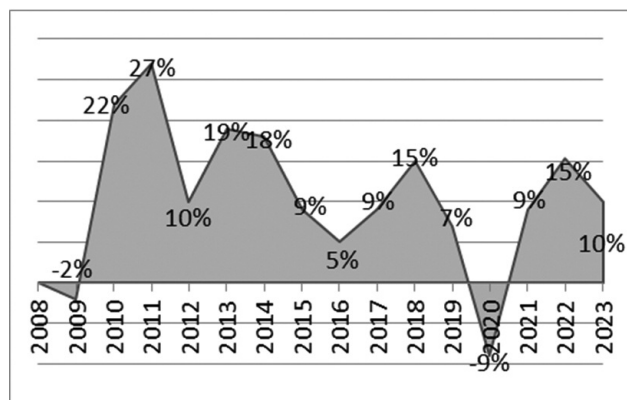
Về tốc độ tăng trưởng và kim ngạch XK hàng may mặc của Việt Nam: giai đoạn 2008 - 2023, XK hàng may mặc Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể với tốc độ tăng trưởng hàng may mặc XK liên tục tăng qua các năm. Kim ngạch XK hàng may mặc của Việt Nam giai đoạn 2008 - 2023 có xu hướng tăng trưởng tương đối ổn định, với mức tăng trưởng trung bình đạt khoảng 11%/năm (Biểu đồ 1). Năm 2008, kim ngạch XK hàng may mặc của Việt Nam đạt khoảng 8.7 tỷ USD. Đến năm 2023 đạt 32.1 tỷ USD, tăng gấp khoảng 3.7 lần so với năm 2008. Đáng chú ý, trong giai đoạn này kim ngạch XK hàng may mặc của Việt Nam năm 2020 có sự sụt giảm so với năm 2019. Lý do tác động đến sự suy giảm này là do những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế thế giới, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, thu hẹp thị trường tiêu thụ các sản phẩm may mặc dẫn tới nhu cầu sản phẩm may mặc giảm sút mạnh. Đến năm 2021, kim ngạch XK hàng may mặc của Việt Nam đã nhanh chóng phục hồi và tăng trưởng trở lại. Dịch Covid-19 vẫn còn ảnh hưởng, nhưng đến thời điểm này, các DN đã dần thích nghi hơn và tìm được nhiều cơ hội phát triển hơn trong giai đoạn khủng hoảng này (Biểu đồ 2).

Về thị phần và thị trường XK: Theo Báo cáo

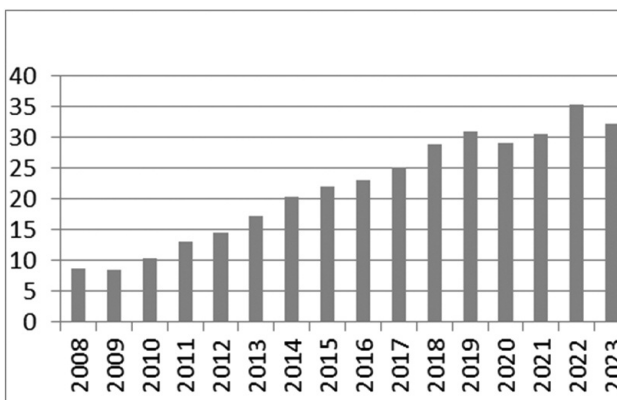
thống kê thương mại thế giới năm 2021 của WTO cho biết, Việt Nam đã vượt qua Bangladesh về XK hàng may mặc, là quốc gia XK hàng may mặc lớn thứ hai trên thế giới năm 2020, với giá trị XK đạt khoảng 29 tỷ USD. Bên cạnh đó, thị trường XK hàng may mặc chính của Việt Nam đang ngày càng đa dạng, với sự tham gia của nhiều nước khác nhau. Nhìn chung thị trường XK hàng may mặc của Việt Nam vẫn chủ yếu là quốc gia phát triển. Năm 2022, Mỹ là thị trường tiêu thụ hàng may mặc Việt Nam lớn nhất với kim ngạch XK hàng may mặc Việt Nam sang Mỹ lên tới 17.76 tỷ USD, chiếm hơn 50.24% tổng kim ngạch XK hàng may mặc. Tính chung cả năm 2022, XK hàng may mặc của Việt Nam sang các thị trường chủ lực như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... vẫn tăng khá so với năm 2021. Tuy nhiên, kim ngạch XK hàng may mặc của Việt Nam sang một số thị trường như Trung Quốc, Nga... lại giảm do chưa phục hồi sau đại dịch Covid-19. Đáng chú ý, so với thời điểm trước dịch Covid-19, XK hàng may mặc của Việt Nam sang các thị trường Canada, Australia... lại tăng trưởng ở mức cao, đều đạt hai con số (Bảng 1).

Về cơ cấu chủng loại hàng may mặc XK của Việt Nam: XK các chủng loại hàng như Jacket, quần áo vest, áo sơ mi... là các mặt hàng giảm trong giai đoạn Covid-19, nay đã tăng mạnh và hồi phục trở lại. Trong năm 2022, áo jacket là mặt hàng XK hàng đầu của Việt Nam, chiếm 19.15% tổng kim ngạch XK. Áo thun xếp thứ hai, chiếm 18.84% tổng kim ngạch XK (Bảng 2).

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng XK bình quân hàng năm (2008 - 2023)



Biểu đồ 2: Kim ngạch XK hàng may mặc Việt Nam 2008 - 2023 (tỷ USD)



Nguồn: UN Comtrade

Bảng 1. Thị trường tiêu thụ hàng may mặc chính của Việt Nam năm 2022

Thị trường chủ yếu	Năm 2022		Tỷ trọng XK (%)	
	Kim ngạch (triệu USD)	So với năm 2021 (%)	Năm 2022	Năm 2021
Tổng	35346	15.35	100	100
Mỹ	17758	8.34	50.24	53.57
Nhật Bản	3931	25.19	11.12	10.25
Hàn Quốc	3268	12.53	9.25	9.49
Trung Quốc	984	-1.79	2.78	3.27
Canada	1348	42.65	3.81	3.09
Đức	1093	33.62	3.09	2.67
Hà Lan	1077	44.56	3.05	2.43
Anh	806	34.78	2.28	1.95
Pháp	694	20.07	1.96	1.89
Bỉ	509	24.45	1.44	1.34
Australia	447	28.45	1.26	1.14
Nga	223	-34.79	0.63	1.12

Nguồn: UN Comtrade

Bảng 2. Chứng loại hàng may mặc xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam năm 2022

Chứng loại chủ yếu	Năm 2022		Tỷ trọng XK năm 2022 (%)
	Kim ngạch (triệu USD)	So với năm 2021 (%)	
Tổng	35346	14.69	100
Áo Jacket	6767.99	30.87	19.15
Áo thun	6660.61	14.38	18.84
Quần	6540.26	13.86	18.50
Quần áo trẻ em	2761.61	11.02	7.81
Vải	2326.00	-10.23	6.58
Áo sơ mi	2171.09	32.01	6.14
Đồ lót	2111.05	4.51	5.97
Quần Short	1556.86	15.89	4.40
Váy	1486.36	33.98	4.21
Quần áo bảo hộ lao động	604.15	9.47	1.71
Vest	332.23	71.56	0.94

Nguồn: Vitas

3. Mô hình và dữ liệu nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng mô hình trọng lực để ước tính tác động của các yếu tố đối với XK hàng may mặc của Việt Nam. Phương trình ước lượng như sau:

$$\ln(EX_{VNjt}) = \beta_0 + \beta_1 \ln(GDP_{jt}) + \beta_2 \ln(POP_{jt}) + \beta_3 \ln(DIS_{Vjt}) + \beta_4 \ln(TAR_{jt}) + \beta_5 \ln(E_{Vjt}) + \beta_6 \ln(LR_{VNt}) + \beta_7 \ln(NL_{VNt}) + \beta_8 FTA_{Vjt} + \varepsilon_{VNjt} \quad (1)$$

Trong đó:

Biến EX_{VNjt} là biến độc lập đại diện cho giá trị XK của sản phẩm hàng may mặc từ Việt Nam sang các quốc gia j tại thời điểm năm t ; Biến GDP_{jt} thể hiện tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước $NK\ j$ tại thời điểm năm t ; Biến POP_{jt} là dân số của nước $NK\ j$ tại năm t ; Biến DIS_{Vjt} là khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước $NK\ j$ (được đo lường bằng khoảng cách từ thủ đô của Việt Nam là Hà Nội tới thủ đô của nước $NK\ j$); Biến TAR_{jt} là thuế suất của nước $NK\ j$ đối với mặt hàng may mặc của Việt Nam tại thời điểm năm t ; Biến E_{Vjt} là tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền nước NK và đồng tiền của Việt Nam vào thời điểm năm t ; Biến LR_{VNt} thể hiện lãi suất cho vay của Việt Nam vào thời điểm năm t ; Biến NL_{VNt} là tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu hàng may mặc của Việt Nam vào thời điểm năm t . Ngoài các yếu tố có thể ước lượng được như trên, nhóm chúng tôi cũng xem xét và đưa vào mô hình nghiên cứu biến giả FTA_{Vjt} là biến giả thể hiện Việt Nam và nước $NK\ j$ cùng tham gia, là thành viên của FTA vào thời điểm năm t nhằm tăng độ tin cậy của việc ước lượng cũng như kiểm soát các sai lệch có thể xảy ra bên ngoài mô hình.

Kỳ vọng về dấu của các biến như sau: Biến GDP đại diện cho khả năng tiêu thụ của nước ngoài về hàng may mặc NK . Khi GDP tăng sẽ làm tăng cầu NK và tác động tích cực đến XK

hàng may mặc của Việt Nam, vì vậy hệ số $\beta_1 > 0$. Dân số của nước NK làm tăng cầu về mặc hàng may mặc XK của Việt Nam, vì vậy hệ số $\beta_2 > 0$. Khoảng cách địa lý giữa nước XK và nước NK càng xa thì chi phí vận chuyển càng tăng, do đó xuất khẩu có xu hướng giảm, vì vậy hệ số $\beta_3 < 0$. Thuế suất nước NK tăng làm giá cả của hàng hóa NK cao hơn, khả năng cạnh tranh của hàng NK tại quốc gia đó có xu hướng giảm mạnh, từ đó giảm lượng XK hàng may mặc tại Việt Nam, vì vậy hệ số $\beta_4 < 0$. Biến E_{ijt} đại diện cho tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền nước NK và đồng tiền của Việt Nam, kỳ vọng về dấu của hệ số này là âm ($\beta_5 < 0$), vì khi tỷ giá hối đoái giảm, tức đồng tiền của Việt Nam giảm giá so với đồng tiền của các nước NK, mặt hàng may mặc XK của Việt Nam sẽ rẻ hơn trên thị trường thế giới có thể dẫn đến tăng sản lượng XK mặt hàng may mặc. Lãi suất cho vay của Việt Nam càng tăng thì XK hàng may mặc của Việt Nam càng giảm. Khi lãi suất cho vay tăng, các DN sẽ hạn chế việc vay vốn hơn, làm giảm nguồn vốn để đầu tư cho công nghệ, máy móc, từ đó làm giảm sức cạnh tranh về mặt hàng may mặc, dẫn đến XK giảm. Vì vậy, hệ số $\beta_6 < 0$. Tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu thấp có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hàng XK may mặc của Việt Nam do khi nhập nhiều nguyên liệu từ các quốc gia khác để sản xuất hàng may mặc, điều này có thể tăng chi phí sản xuất, từ đó giảm XK. Vì vậy, kỳ vọng về dấu của hệ số $\beta_7 < 0$. Việc Việt Nam tham gia các FTA tạo ra các ưu đãi về cắt giảm thuế quan giúp tăng trưởng XK hàng may mặc Việt Nam, vì vậy kỳ vọng về dấu của hệ số $\beta_8 > 0$.

Chúng tôi sử dụng phương pháp ước lượng tác động ngẫu nhiên REM (Random Effects Model) để ước lượng các hệ số của phương trình (1) cho sản phẩm may mặc của Việt Nam. Hệ số β_0 biểu thị tác động cố định của các yếu tố khác ngoài mô hình. Dữ liệu hồi quy của mô hình là dữ liệu bảng, khoảng thời gian là 15 năm và số quốc gia là 33.

Dữ liệu XK hàng may mặc được truy xuất từ Cơ sở dữ liệu Thống kê Thương mại Hàng hóa (UN Comtrade). Dữ liệu về GDP, dân số, tỷ giá hối đoái, lãi suất cho vay được truy xuất từ Nguồn dữ liệu mở của Ngân hàng Thế giới

(data.worldbank.org). Dữ liệu về khoảng cách song phương được lấy từ trang web Distance Calculator. Thông tin về thuế được truy cập từ Cơ sở Dữ liệu Tích hợp của WTO (IDB) thông qua nền tảng trực tuyến Giải pháp Thương mại Tích hợp Thế giới (WITS). Việc lựa chọn mức thuế quan để đưa vào mô hình hồi quy được thực hiện trên cơ sở tuân theo quy tắc: thuế suất ưu đãi theo Hiệp định Thương mại song phương (PTA) sẽ được xem xét lựa chọn trước, nếu không có thông tin về thuế ưu đãi hoặc loại thuế này không được áp dụng thì sẽ thay thế bằng các mức thuế tối huệ quốc (MFN). Dữ liệu về tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu hàng dệt may được thu thập thông qua báo cáo chính thức của Bộ Công Thương (<https://moit.gov.vn/>). Dữ liệu về FTA được lấy từ trang web <https://trungtamwto.vn/> của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả mô hình hồi quy về tác động của các yếu tố đến XK hàng may mặc của Việt Nam được thể hiện ở Bảng 3. Từ kết quả hồi quy có thể đưa ra những nhận xét sau đây:

Bảng 3. Kết quả ước lượng mô hình

Biến	Hệ số hồi quy	P > z
$\ln GDP_{jt}$	1.69586	0.000
$\ln DIS_{ijt}$	-0.37110	0.000
$\ln POP_{jt}$	-0.56179	0.000
$\ln TAR_{jt}$	0.02747	0.373
$\ln E_{ijt}$	-0.20012	0.000
$\ln LR_{VNt}$	-0.41650	0.000
$\ln NL_{VNt}$	2.59412	0.000
FTA_{ijt}	-0.14183	0.002
C	-29.60142	0.000

Nguồn: Kết quả hồi quy từ mô hình (1)

GDP của nước XK, dân số nước NK, khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước NK, tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền nước NK và đồng tiền của Việt Nam, lãi suất cho vay của Việt Nam, tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu hàng may mặc của Việt Nam và biến giả FTA có ảnh hưởng đến XK hàng may mặc của Việt Nam. Còn lại 1 biến giả thích không ảnh

hưởng đến XK hàng may mặc của Việt Nam là thuế suất của nước NK. Đây cũng chính là điểm khác biệt so với rất nhiều nghiên cứu trước đó như Đỗ Thị Hòa Nhã & cộng sự (2019); Đỗ Thị Hương & cộng sự (2021). Lý giải cho điều này, trong những năm gần đây, dưới sức ép của trào lưu hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại, chức năng bảo hộ nền sản xuất trong nước của các quốc gia NK bằng thuế NK đang có xu hướng ngày càng giảm sút, cắt giảm dần và thay bằng các biện pháp phi thuế quan.

Cụ thể, GDP của nước NK ảnh hưởng thuận chiều với XK hàng may mặc với hệ số là 1.7. Điều này có nghĩa là khi GDP của nước NK tăng thêm 1% thì XK hàng may mặc của Việt Nam tăng 1.7%. Kết quả nghiên cứu đạt được theo kỳ vọng ban đầu của nhóm tác giả và cùng dấu với kết quả của một vài nghiên cứu trước đó về các yếu tố ảnh hưởng đến XK hàng hóa nói chung.

Dân số nước NK có ảnh hưởng ngược chiều tới XK hàng may mặc của Việt Nam với hệ số là -0.56179; hệ số này cho biết khi dân số nước NK tăng lên 1% thì XK hàng may mặc của Việt Nam giảm 0.56179%. Điều này trái với dự đoán ban đầu về dấu cũng như các nghiên cứu trước đó (Mohamed A. Elshehawey & cộng sự, 2014; Bùi Thị Hồng Hạnh & cộng sự, 2017) cho rằng dân số nước NK có tác động tích cực đến XK.

Khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước NK có ảnh hưởng ngược chiều tới XK hàng may mặc của Việt Nam với hệ số là -0.37110; hệ số này cho biết khi khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước NK tăng lên 1% thì XK hàng may mặc của Việt Nam giảm 0.37110%. Kết quả này phù hợp với hầu hết các kết quả nghiên cứu trước đây và với dự đoán ban đầu của nhóm tác giả.

Tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền nước NK và đồng tiền của Việt Nam tác động ngược chiều đến XK hàng may mặc của Việt Nam với hệ số là -0.20012, đúng với kỳ vọng ban đầu về dấu của hệ số. Đây là điểm tương đồng với nghiên cứu của Đỗ Thị Hương & cộng sự (2021), tuy nhiên lại trái ngược với các nghiên cứu Trần Trọng Đức & cộng sự (2021), Bùi Thị Hồng Hạnh & Quiting Chen (2015).

Lãi suất cho vay của Việt Nam với hệ số là -

0.41650, kết quả chỉ ra biến giải thích này tác động ngược chiều đến XK hàng may mặc của Việt Nam hay khi lãi suất cho vay của Việt Nam tăng lên 1% thì XK hàng may mặc giảm 0.41650%. Kết quả nghiên cứu đạt được theo kỳ vọng ban đầu của nhóm tác giả và cùng dấu với kết quả của một vài nghiên cứu trước đó về ảnh hưởng của các chính sách hỗ trợ XK của Chính phủ đến XK (Harun & cộng sự, 2014; Vũ Thị Minh Ngọc & cộng sự, 2014).

Tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu hàng may mặc của Việt Nam có tác động thuận chiều đến XK hàng may mặc của Việt Nam. Cụ thể, từ kết quả phân tích, có thể thấy khi tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu hàng may mặc tăng lên 1% thì XK hàng may mặc của Việt Nam tăng 2.59412%. Như vậy, kết quả này hoàn toàn đúng theo kỳ vọng ban đầu về dấu của nhóm tác giả. Đây là điểm hoàn toàn mới so với các nghiên cứu trước đó về các yếu tố tác động đến XK hàng may mặc của Việt Nam. Các nghiên cứu trước đây hầu hết đều không đưa biến giải thích này vào mô hình nghiên cứu.

Biến giả FTA tác động ngược chiều đến XK hàng may mặc của Việt Nam với hệ số là -0.141834. Điều này cho thấy FTA có tác động tiêu cực đến XK hàng may mặc Việt Nam, trái với kỳ vọng về dấu ban đầu của nhóm tác giả, cũng như một vài nghiên cứu trước đó như Trần Trọng Đức & cộng sự (2021), Huỳnh Thị Diệu Linh & cộng sự (2019). Lý giải nguyên nhân cho việc FTA tác động ngược chiều có thể thấy đó là FTA có 2 hướng tác động: tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại. Trong trường hợp này thì tác động của chuyển hướng thương mại lớn hơn tạo lập thương mại do các quốc gia khác cùng tham gia FTA cũng có lợi thế cạnh tranh về công nghệ, nguyên liệu, quy trình sản xuất... trong sản xuất và XK hàng may mặc. Do đó, các quốc gia trong FTA sẽ có xu hướng NK hàng may mặc của các quốc gia đó thay vì NK hàng may mặc của Việt Nam. Bên cạnh đó, khi ký kết và tham gia FTA, thường có những yêu cầu khắt khe, hàng rào kỹ thuật, các điều khoản về môi trường gây ra sức ép, khó khăn cho một số quốc gia XK hàng may mặc, trong đó có cả Việt Nam, bởi chưa đủ điều kiện đáp ứng những quy định trong các FTA.

5. Đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy XK hàng may mặc của Việt Nam

Dựa trên kết quả nghiên cứu đã phân tích, một số hàm ý chính sách được đề xuất nhằm hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng XK hàng may mặc tại Việt Nam, cụ thể như sau:

❖ Đối với cơ quan quản lý nhà nước

- Cần tăng cường xúc tiến thương mại. Các cơ quan xúc tiến thương mại của Chính phủ cần chủ động cung cấp cho các DN các thông tin liên quan đến thị trường nước ngoài, thực hiện hoạt động khảo sát một số thị trường nước ngoài trọng điểm và hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu tại các thị trường mà Việt Nam có tiềm năng XK.

- Chính phủ và các bộ, ngành cần xây dựng các chính sách giảm, hoãn thuế cho DN sản xuất hàng may mặc XK, cho DN vay vốn với mức lãi suất thấp nhằm duy trì sản xuất và tiếp tục duy trì chính sách ổn định tỷ giá nhằm đảm bảo ổn định vĩ mô.

- Chính phủ và các cơ quan chức năng cũng cần khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy đầu tư sản xuất nguyên phụ liệu có chất lượng trong nước nhằm giảm việc NK và phụ thuộc quá mức vào thị trường cung ứng đầu vào.

- Đẩy mạnh, phổ biến và nâng cao nhận thức cho các DN về tác động của các FTA, giúp các DN hạn chế được những rủi ro, hỗ trợ, khuyến khích DN tận dụng tối đa lợi ích mà các FTA mang lại.

- Đa dạng hóa thị trường XK; xác định một số thị trường tiềm năng để định hướng DN đẩy mạnh XK; hỗ trợ DN khai thác thông tin thị trường, chính sách xuất NK... giảm phụ thuộc vào các thị trường truyền thống.

❖ Đối với DN sản xuất và XK hàng may mặc

- Doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng hàng may mặc XK để có thể tận dụng được các cơ hội từ FTA. Đồng thời, cần lựa chọn nguồn nguyên liệu đáp ứng được tiêu chuẩn về chất lượng, sử dụng thiết bị tân tiến và đảm bảo tuân theo đúng và đủ theo yêu cầu của quốc gia đó.

- Xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường. Đầu tư, nâng cao năng lực marketing; chủ động, tích cực theo dõi diễn biến thị trường, tiếp cận khách hàng; chú trọng xây dựng các tiêu chuẩn sản phẩm phù hợp với thông lệ quốc tế để chống hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ.

- Cần tích cực nâng cao năng lực sản xuất; bắt kịp những xu hướng của thị trường, chuyển đổi xanh thích ứng với các yêu cầu của khách hàng; đầu tư máy móc, trang thiết bị sử dụng công nghệ số. Tăng cường đầu tư vào công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng.

- Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, cần phải chuyển đổi dần phương thức sản xuất từ gia công và FOB sang các hình thức như thiết kế trên ý tưởng có sẵn, sản xuất và bán thành phẩm và tiến tới hình thức tự thiết kế, sản xuất và bán thành phẩm.

Tuy nhiên, bài nghiên cứu còn tồn tại một số hạn chế nhất định:

- Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, các DN sản xuất hàng may mặc cần có những quy định rõ ràng về trình độ, kỹ năng của nguồn nhân lực.

- Các DN sản xuất hàng may mặc XK cần phải linh hoạt cơ cấu chuyển đổi các mặt hàng để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Diệp, V. B., Thảo, N. T. P., & Thu, N. H. (2018). Phân tích các yếu tố tác động đến XK hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU bằng mô hình trọng lực. Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh số, 7, 2018.
- Đức, T. T., Vân, B. T., & Phương, H. M. (2021). Tiềm năng xuất khẩu sản phẩm may mặc của Việt Nam.
- Bui, T. H. H., & Chen, Q. (2017). An analysis of factors influencing rice export in Vietnam based on gravity model. Journal of the Knowledge Economy, 8, 830-844.
- Dlamini, S. G., Edriss, A. K., Phiri, A. R., & Masuku, M. B. (2016). Determinants of Swaziland's sugar export: A gravity model approach. International Journal of Economics and Finance, 8(10), 71-81.
- Tinbergen, J. (1962). Shaping the world economy; suggestions for an international economic policy.

Ngày nhận bài: 9/1/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 21/1/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/2/2024

Thông tin tác giả:

1. LƯƠNG THỊ MINH THU¹

2. BUI THỊ NGỌC TÚ¹

3. PHẠM THỊ THU THỦY¹

4. VŨ QUỲNH TRANG¹

5. TS. NGUYỄN THỊ THU HIỀN²

¹Sinh viên K57F5, Trường Đại học Thương mại

²Giảng viên, Trường Đại học Thương mại

A GRAVITY MODEL APPROACH TO THE FACTORS AFFECTING VIETNAM'S GARMENT EXPORTS

● **LUONG THI MINH THU¹**

● **BUI THI NGOC TU¹**

● **PHAM THI THU THUY¹**

● **VU QUYNH TRANG¹**

● **Ph.D NGUYEN THI THU HIEN²**

¹Student, Thuongmai University

²Lecturer, Thuongmai University

ABSTRACT:

In this study, the gravity model was used to determine the factors affecting Vietnam's garment exports. The results showed that the importing country's GDP, the importing country's population, the geographical distance between Vietnam and the importing country, the exchange rate between the currency of the importing country and Vietnamese dong, the lending interest rate of Vietnam, the localization rate of Vietnam's garment materials, and free trade agreements all impact Vietnam's garment exports. The study proposed two basic groups of solutions for state management agencies and garment manufacturing and exporting companies to promote Vietnam's garment exports.

Keywords: export, garments, gravity model, trade policies.